

KẾ HOẠCH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo
Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW
ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyền Quang ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, nhân dân và doanh nghiệp về vị trí, vai trò quan trọng của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước, của tỉnh, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và triển khai Kế hoạch phải bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW và phải được thực hiện sâu rộng, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, khả thi, có lộ trình rõ ràng, phù hợp với đặc điểm và điều kiện phát triển của tỉnh.

Phân công trách nhiệm rõ ràng, có cơ chế kiểm tra, giám sát, đôn đốc chặt chẽ, đảm bảo tiến độ và chất lượng thực hiện. Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của tỉnh.

Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo sức mạnh tổng hợp; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững quốc phòng, an ninh.

Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao về làm việc tại tỉnh.

Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, sự hài lòng và hạnh phúc của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn và đến năm 2045: *(chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).*

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, cấp xã trên địa bàn; thành lập/kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp; xác định rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành.

- Thực hiện lồng ghép, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các Nghị quyết,

Chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của hệ thống chính trị.

- Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài tỉnh tham gia vào Hội đồng tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

- Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các sở, ban, ngành, xã, phường; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông

- Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân: Tổ chức quán triệt thông qua hội nghị, phiên họp thường kỳ, đột xuất của chính quyền các cấp...; tổ chức hội thảo, tọa đàm, tập huấn nhằm trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ cách làm, mô hình hay, hiệu quả. Cung cấp tài liệu dưới nhiều hình thức phong phú, dễ hiểu, dễ tiếp cận (slide, ảnh, video,...). Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số truyền đạt tại các hội nghị, hội thảo chuyên đề.

- Cấp uỷ, chính quyền các cấp tổ chức xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành, đồng thời gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng; huy động các cơ quan báo chí của địa phương, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử, các kênh truyền thông số chính thức của các cơ quan, đơn vị để cung cấp thông tin, tuyên truyền, phổ biến về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Triển khai sâu rộng phong trào “bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, hiệp hội doanh nghiệp trong công tác tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn: Phát động phong trào thi đua tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, lựa chọn mô hình điểm, sơ kết, nhân rộng điển hình hàng năm; tổ chức

ngày hội sáng tạo - công nghệ - chuyển đổi số cấp tỉnh hằng năm, có tính định kỳ, gắn với tôn vinh các sáng kiến tiêu biểu.

- Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số; ban hành và triển khai phổ biến thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh; tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân khi tham gia môi trường số.

- Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

- Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách của tỉnh đã ban hành về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình mới nhằm ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 20 năm (2025 - 2045), đồng bộ với quy hoạch tỉnh tầm nhìn tới 2045, huy động cả hệ thống chính trị thực hiện các quy hoạch, kế hoạch đã ban hành.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút đầu tư, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư, chú trọng phương thức hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu. Ban hành văn bản chỉ đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện tuyển dụng, hợp đồng công chức, viên chức, người lao động khoa học, công nghệ và cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động đối với công chức, viên chức, người lao động không đáp ứng được tiêu chuẩn, tiêu chí về khoa học, công nghệ theo quy định của Trung ương.

- Tạo cơ chế, điều kiện hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, có kiểm soát rủi ro; tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã đề ra theo Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với nguồn lực từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác; xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030, trong đó kết hợp, sử dụng hiệu quả giữa ngân sách Trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn lực huy động xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương.

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.

- Đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hoá quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

- Tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số gắn với cấp điện lưới quốc gia

- Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, thực hiện số hóa, cập nhật thông tin dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, đồng thời kết nối, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu, cụm công nghiệp; đô thị thông minh,...) có kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch tăng cường phủ sóng di động 4G, 5G trên địa bàn, phổ cập điện thoại di động thông minh tại các khu tập trung đông dân cư, cơ quan, trường học, bệnh viện, đảm bảo kết nối, liên thông toàn tỉnh, đặc biệt khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các thôn lǎm sóng hoặc trắng sóng điện thoại, điện lưới quốc gia.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G toàn tỉnh. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu.

- Hoàn thiện hạ tầng Trung tâm dữ liệu theo hướng điện toán đám mây; xây dựng quy chế về quản lý, vận hành và chia sẻ hạ tầng số. Xây dựng các trung tâm đổi mới

sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao tại những nơi đủ điều kiện. Triển khai cơ chế, chính sách hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng (trừ các nội dung bí mật nhà nước); nâng cao hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch trong các hoạt động quản lý nhà nước; công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện theo hình thức trực tuyến, dựa trên dữ liệu số.

- Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và cung cấp 100% dữ liệu mở theo lộ trình.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng các giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS,...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Phấn đấu đến năm 2035 xây dựng trung tâm điều hành thông minh đóng vai trò như “bộ não số” của tỉnh, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

5. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

- Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; xây dựng, nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ, hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh, thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu cho hoạt động khoa học và công nghệ. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

- Tập trung nâng cao năng lực, hiệu quả nghiên cứu; ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết trong các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực sau: Nông nghiệp, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, vật liệu mới; phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh; quản lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch, logistics,... Chủ động phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu, thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Xây dựng cơ chế ưu tiên sử dụng sản phẩm đổi mới sáng tạo của tỉnh trong đầu tư công và hoạt động của các cơ quan nhà nước để tạo điều kiện thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, góp phần mở rộng thị trường cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Phân đầu đến 2045 làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh để nâng cao chất lượng sống người dân.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao: Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi, thu hút, trọng dụng nhân tài; cụ thể hoá các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp; tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để triển khai các dự án, hội thảo, tập huấn về kỹ năng số theo chuyên đề. Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia” tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu của tỉnh.

- Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách chuyển đổi số các cấp trên địa bàn tỉnh về quản lý đầu tư công nghệ thông tin; kỹ năng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số; các chuyên đề về trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, kết nối internet vạn vật IoT; đào tạo AI và phong trào bình dân học vụ số. Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi thành lập, duy trì và nâng cao hiệu quả của các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, phường, tổ dân phố hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc sử dụng các nền tảng số phục vụ cuộc sống, đặc biệt là hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Nghiên cứu phần mềm, ứng dụng AI vào công tác văn phòng, nhất là công tác tổng hợp báo cáo từ các xã, phường bảo đảm nhanh chóng, chính xác, đánh giá khách quan, thông tin kịp thời về tình hình trên các lĩnh vực công tác.

- Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường: Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm; Khuyến khích, thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực: Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực; thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số

- Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang theo từng giai đoạn, từng năm; kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh; chú trọng phát triển dữ liệu số, đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Khai thác, ứng dụng có hiệu quả các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư. Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa địa phương với Trung ương. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Tập trung triển khai các nền tảng số; nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Triển khai các nền tảng số thông minh, ứng dụng công nghệ IoT, Big Data... trong các ngành, lĩnh vực như du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường,...

- Kết nối hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan nhà nước với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, để thuận lợi trong việc thu thập số liệu, báo cáo, chỉ đạo điều hành và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Số hóa cơ sở dữ liệu tại các sở, ngành trên địa bàn tỉnh; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống trong tỉnh; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để cán bộ, công chức, người lao động, nhà khoa học, hội viên, doanh nghiệp và người dân khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo. Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo để xử lý công việc nhanh gọn, hiệu quả.

- Chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trong thu hút đầu tư đối với các dự án trong khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các chương trình, đề án: Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử,...); phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ, tạo môi trường chia sẻ kiến thức, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing; Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của tỉnh.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh Tuyên Quang đảm bảo yêu cầu xử lý, ứng cứu các sự cố an ninh mạng ở các cấp độ.
- Xây dựng, thành lập các Tổ ứng cứu sự cố chuyên trách; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng cứu sự cố, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác.
- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin dữ liệu quan trọng theo quy định.
- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.
- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung,...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.
- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.
- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.
- Kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.
- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.
- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương; khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài.
- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo kết quả theo tháng, quý, 06 tháng, hàng năm; thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

11. Các sáng kiến đột phá: Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo tỉnh

- Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này; ban hành Chương trình, kế hoạch để lãnh đạo thực hiện các nội dung có liên quan đề ra theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động này trên địa bàn tỉnh bảo đảm tiến độ, chất lượng đề ra.

- Kịp thời đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Định hướng các thành viên Ban Chỉ đạo chủ động đề xuất, kiến nghị về các chủ trương, giải pháp, sáng kiến đột phá, dự án, Chương trình, Kế hoạch tổ chức thực hiện gắn với lĩnh vực, địa bàn được phân công trực tiếp phụ trách, theo dõi, đảm bảo phù hợp với Kế hoạch hành động và điều kiện thực tế tại từng địa phương, đơn vị.

- Thành lập/kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; phát huy vai trò, trách nhiệm của Tổ giúp việc trong công tác tham mưu Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện các vấn đề chuyên môn liên quan đến Kế hoạch này.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại các sở, ban, ngành, địa phương; chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động này (6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ); báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh; kiện toàn tổ chức bộ máy Ban Chỉ đạo; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trong việc theo dõi, kiểm tra tiến độ, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ban Chỉ đạo theo quy định. Tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo xem xét cho chủ trương đối với những nhiệm vụ, sáng kiến đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; hướng dẫn việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số”, triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trong các tổ chức cơ sở Đảng trên địa bàn tỉnh; định hướng và hướng dẫn tuyên truyền đối với các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả, tạo sự lan tỏa sâu rộng.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và kế hoạch này, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo, Thường trực Tỉnh ủy.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý các sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).

3. Trách nhiệm của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch này, cụ thể nội dung, lộ trình

triển khai thực hiện theo tinh thần “5 rõ” rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm và rõ thời gian; xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, quyết định để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo tỉnh hoặc ban hành theo thẩm quyền về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời. Tiếp nhận những đề xuất, nhiệm vụ, sáng kiến đột phá từ các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; đề nghị các cơ quan chức năng đánh giá, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét, quyết định.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các xã, phường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, sáng kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; kịp thời xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Ban hành các Văn bản chỉ đạo thực hiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Định kỳ 03 tháng, 06 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch hành động *(nếu cần thiết)*.

4. Trách nhiệm của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy các xã, phường

- Chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền nghiêm túc, sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW và Kế hoạch này tới cán bộ, đảng viên, nhân dân và doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển của đất nước, của tỉnh trong giai đoạn mới; cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao để tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

- Đảng ủy các xã, phường thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do đồng chí Bí thư cấp ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo; ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm

vụ các thành viên Ban Chỉ đạo; xây dựng và triển khai Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo hằng năm; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này bảo đảm phù hợp, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo cơ sở chính trị và pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc triển khai thực hiện.

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo tỉnh; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các Ban đảng cấp trên tiến hành.

- Định kỳ 03 tháng, 06 tháng, 1 năm đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tạo cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp, ... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

5. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp xây dựng, triển khai các nội dung về văn hóa số, tinh thần yêu khoa học, dám nghĩ, dám làm, tôn vinh tinh thần cống hiến, góp phần thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn xã hội. Chủ động nắm tình hình, kịp thời phản ánh dư luận xã hội, ý kiến, kiến nghị của cử tri, tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này.

Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW và Kế hoạch này; phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập với cấp có thẩm quyền); tham gia phát huy vai trò của Tổ chuyển đổi số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội, ... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

6. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc tỉnh định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động gửi về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, đồng gửi Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy); Ban Chỉ đạo tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Hằng năm, Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số sở, ngành, địa phương, đơn vị; phối hợp với các ban đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ từng giai đoạn. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm; kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu theo giai đoạn 05 năm.

7. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,...) và nguồn xã hội hóa.

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Kế hoạch hành động này thay thế Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang (trước hợp nhất) và Chương trình hành động số 75-CTr/TU ngày 28/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang (trước hợp nhất) thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (báo cáo),
- Đồng chí Đại tướng Trịnh Văn Quyết, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Cơ quan: Tỉnh ủy Tuyên Quang,
Tỉnh ủy Tuyên Quang
Email:
TU.TuyenQuangQTBI@TUTuyenQ

Hầu A Lệnh

Phụ lục 01
MỤC TIÊU CỤ THỂ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH TUYÊN QUANG
(Kèm theo Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang)

TT	Chỉ tiêu	Phân đầu theo từng giai đoạn					Ghi chú
		2025	2030	2035	2040	2045	
I	Phát triển hạ tầng						
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn.	≥20%	99%				
2	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn.			50%	80%	100%	
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	≥60%	100%				
4	Tỷ lệ phủ sóng viễn thông tại các thôn, tổ dân số trên địa bàn tỉnh.	96%	100%				
5	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.	Có	Đáp ứng				
6	Tỷ lệ thôn bản có điện lưới quốc gia trên địa bàn tỉnh		99%				
II	Phát triển nguồn lực						
7	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	≥ 1%	≥ 1,5%	≥2%	≥2,5%	≥3%	
8	Tỷ lệ chi tối thiểu cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP (hàng năm)	2%	2-3%	2-3%	≥ 3%	≥3%	
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	90%	100%				
10	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%					
11	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%				
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	99%	
13	Số lượng người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	≥ 4	≥ 7	≥ 10	≥ 15	≥ 20	

TT	Chỉ tiêu	Phấn đấu theo từng giai đoạn					Ghi chú
		2025	2030	2035	2040	2045	
14	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).				80%	≥ 90%	
III	Phát triển khoa học, công nghệ						
15	Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.	≥ 10	≥ 15	≥ 20	≥ 25	≥ 30	
16	Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ được nghiệm thu mỗi năm.	≥ 20	≥ 30	≥ 40	≥ 50	≥ 60	
17	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.	≥ 300	≥ 600	≥ 900	≥ 1.500	≥ 2.000	
18	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm.	≥ 20	≥ 25	≥ 30	≥ 40	≥ 50	
19	Số lượng kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	≥ 40%	≥ 60%	≥ 75%	≥ 85%	≥ 95%	
20	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) mỗi năm.		≥ 10	≥ 15	≥ 20	≥ 30	
21	Số lượng doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu trong sản xuất/kinh doanh.	≥ 10%	≥ 25%	≥ 40%	≥ 60%	80%	
22	Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh được công bố quốc tế mỗi năm.	≥ 40	≥ 100	≥ 200	≥ 300	≥ 500	
23	Số lượng công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm.	≥ 1	≥ 2	≥ 5	≥ 7	≥ 9	
24	Số lượng trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.				15		
25	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ	≥ 5	≥ 10	≥ 20	≥ 50	≥ 100	2040-2045 có 10% DN công nghệ số vươn tầm khu vực

TT	Chỉ tiêu	Phấn đấu theo từng giai đoạn					Ghi chú
		2025	2030	2035	2040	2045	
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo						
26	Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII).		20/34	17/34	15/34	Nhóm 15 tỉnh đứng đầu	
27	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	≥ 30	≥ 120	≥ 240	≥ 400	≥ 600	
28	Số lượng Dự án khởi nghiệp sáng tạo.				50 - 60	50 - 70	
29	Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.	≥ 1	≥ 5	≥ 10	≥ 15	≥ 20	
30	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, quy trình, mô hình kinh doanh.	≥ 12%	≥ 25%	≥ 40%	≥ 55%	≥ 70%	
31	Số lượng Trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh, thành, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.				12		
32	Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm.	≥ 15	≥ 50	≥ 120	≥ 240	≥ 400	
33	Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm.	≥ 8	≥ 25	≥ 50	≥ 80	≥ 120	
34	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm.	≥ 4	≥ 16	≥ 40	≥ 80	≥ 160	
35	Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm.	≥ 80	≥ 240	≥ 550	≥ 950	≥ 1.400	
36	Số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển mỗi năm.	≥ 8%	≥ 20%	≥ 25%	≥ 50%	≥ 65%	
37	Số lượng sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh mỗi năm.	≥ 30	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250	
38	Tỷ lệ sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù được bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sau bảo hộ; tỷ lệ sản phẩm OCOP được đăng ký nhãn hiệu.	≥ 50%	≥ 60%	≥ 70%	≥ 80%	≥ 85%	
V	Phát triển chuyên đổi số						
39	Xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).		20/34	17/34	15/34	Nhóm 15 tỉnh dẫn đầu	

TT	Chỉ tiêu	Phấn đấu theo từng giai đoạn					Ghi chú
		2025	2030	2035	2040	2045	
40	Quy mô kinh tế số trong GRDP.	12%	24%	32%	35%	40%	
41	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế.		≥ 40%	≥ 40%	≥ 45%	≥ 45%	
42	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	≥ 70%	100%				
43	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%				
44	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	≥ 70%	100%				
45	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	≥ 70%	100%				
46	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	≥ 80%	100%	100%			
47	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	≥ 70%	≥ 85%	≥ 95%	100%		
48	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	≥ 40%	≥ 70%	≥ 90%	100%		
49	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	≥ 50%	≥ 80%	100%	100%		
50	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	≥ 60%	≥ 85%	100%	100%		
51	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	≥ 30%	≥ 60%	≥ 85%	≥ 95%	100%	
52	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	≥ 50%	≥ 80%	≥ 95%	100%		
53	Tỷ lệ người dân có chữ ký số.		≥ 10%	20%	30%	40%	
54	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt.		≥ 70%	≥ 80%	90%		
55	Chỉ số phát triển con người (HDI)		≥ 0,7	≥ 0,7	≥ 0,7	≥ 0,7	
56	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	≥ 60%	≥ 90%	100%			

Phụ lục 02

DANH MỤC SÁNG KIẾN THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên sáng kiến	Thời gian hoàn thành		Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Năm 2027	Năm 2030		
I	Đổi mới thể chế và quản trị				
1	Sáng kiến 1: Đổi mới thể chế, tháo gỡ rào cản về cơ chế, chính sách.	X		Đảng ủy UBND tỉnh	
2	Sáng kiến 2: Xây dựng mô hình quản trị chính quyền dựa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, các dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo nhằm cắt giảm tối đa chi phí hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.		X	Đảng ủy UBND tỉnh	
II	Sở hữu trí tuệ, chuyển giao tri thức và công nghệ				
1	Sáng kiến 3: Tạo lập môi trường thuận lợi và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ và thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, các trường và doanh nghiệp.		X	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Sáng kiến 4: Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và áp dụng mô hình sản xuất thông minh trong doanh nghiệp-thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng thiết bị, công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh, phát triển thị trường nội địa cho sản phẩm công nghệ “Make in Vietnam”.		X	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ; Đảng ủy Sở Công Thương	
III	An sinh và phúc lợi				
1	Sáng kiến 5: Y tế thông minh - Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu y tế, Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh; phát triển hệ thống y tế thông minh, toàn diện, đảm bảo mọi người dân	X		Đảng ủy Sở Y tế	

TT	Tên sáng kiến	Thời gian hoàn thành		Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Năm 2027	Năm 2030		
	đều được chăm sóc sức khoẻ hiệu quả, kịp thời thông qua ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo.				
2	Sáng kiến 6: Giáo dục thông minh - Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, hỗ trợ cá nhân hoá việc học dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo.		X	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo	
3	Sáng kiến 7: Nông nghiệp bền vững và thông minh - Phát triển mô hình nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực và thu nhập bền vững cho nông dân.		X	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường	
4	Sáng kiến 8: Môi trường xanh và đô thị thông minh - Xây dựng mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường, phát triển hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh, nâng cao năng lực dự báo và quản lý rủi ro thiên tai bằng ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.		X	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Sáng kiến 9: Phong trào “Bình dân học vụ số” - Phát động phong trào phổ cập kỹ năng số cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.	X		- Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ - Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	
6	Sáng kiến 10: Phát triển con người Việt Nam hạnh phúc - Kiến tạo một nền văn hoá mới sáng tạo, hạnh phúc, an toàn và giàu bản sắc dân tộc dựa trên môi trường sống văn minh nhờ tiến bộ của AI và chuyển đổi số. Xây dựng văn hoá học tập suốt đời gắn với bồi đắp giá trị văn hoá, đạo đức. Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.		X	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

TT	Tên sáng kiến	Thời gian hoàn thành		Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Năm 2027	Năm 2030		
IV	Hạ tầng thông tin và dữ liệu				
1	Sáng kiến 11: Phát triển hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững.	X		Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	
V	Hệ thống năng lực sáng tạo và văn hoá đổi mới				
1	Sáng kiến 12: Hình thành các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ hiện đại, thúc đẩy hợp tác viện nghiên cứu, trường, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển và thương mại hoá sản phẩm công nghệ.		X	Đảng ủy Sở Tài chính	
2	Sáng kiến 13: Thu hút và ươm tạo tài năng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo - Thực hiện cơ chế đặc thù, chính sách đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút, phát hiện, nuôi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân tài khoa học, công nghệ trong và ngoài nước.	X		Đảng ủy Sở Nội vụ	
3	Sáng kiến 14: Nền tảng thông tin và tri thức khoa học công nghệ dùng chung - Phát triển nền tảng tích hợp dữ liệu, thông tin, tri thức khoa học, công nghệ quốc gia, ứng dụng AI hỗ trợ nghiên cứu khoa học và sáng tạo.		X	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Sáng kiến 15: Văn hoá đổi mới - Xây dựng hệ thống giá trị, môi trường và cơ chế thúc đẩy tinh thần sáng tạo, tôn vinh đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền và sở hữu trí tuệ, lan toả văn hoá đổi mới trong toàn xã hội. Phát triển đội ngũ doanh nhân công nghệ; văn hoá doanh nhân công nghệ; xây dựng văn hoá trách nhiệm xã hội, phổ cập tri thức, chủ động sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các nhà khoa học, tổ chức khoa học, công nghệ và cơ sở giáo dục đại học.		X	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	